

Số: /BC-UBND

Lam Vỹ, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện chế độ chính sách cho học sinh khuyết tật

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Công văn số 2269/SGDDĐT-KHTC ngày 07/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát, tổng hợp số liệu học sinh khuyết tật làm cơ sở xây dựng chính sách hỗ trợ tiền ăn.

UBND xã Lam Vỹ báo cáo tình hình thực hiện chế độ chính sách cho học sinh khuyết tật như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thực trạng về học sinh khuyết tật

* Tổng số học sinh khuyết tật xã Lam Vỹ: 40 học sinh, trong đó:

- Cấp Tiểu học: 23 học sinh khuyết tật.

+ Dạng khuyết tật: Trí tuệ: 15; Nghe, nói: 03; Thần kinh, tâm thần: 01; Khác: 04; Vận động: 0; Nhìn: 0.

+ Mức độ khuyết tật: Nhẹ: 17, Nặng: 06, Đặc biệt nặng: 0.

- Cấp THCS: 17 học sinh khuyết tật:

+ Dạng khuyết tật: Trí tuệ: 10; Nghe, nói: 04; Vận động: 01; Khác: 02; Thần kinh, tâm thần: 0; Nhìn 0.

+ Mức độ khuyết tật: Nhẹ: 13; Nặng: 04; đặc biệt nặng: 0.

2. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách cho học sinh khuyết tật.

- UBND xã đã chỉ đạo, triển khai đầy đủ các văn bản của cấp trên về thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo quy định của Nhà nước nhằm tạo điều kiện cho học sinh được học tập, hòa nhập và phát triển toàn diện: Nghị định 238/NĐ-CP; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và các văn bản hướng dẫn khác đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã.

- Thực hiện tổng hợp số lượng học sinh khuyết tật, học sinh khuyết tật được hưởng chế độ theo từng năm học. Ra quyết định phê duyệt đối tượng được hưởng và cấp kinh phí về các cơ sở giáo dục chi trả chế độ cho học sinh để bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục, cha mẹ học sinh trong việc xác nhận hồ sơ, lập danh sách đối tượng được hưởng chính sách.
- Thực hiện công khai, minh bạch việc chi trả các chế độ hỗ trợ theo quy định.
- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật. Bên cạnh đó, các nhà trường thường xuyên rà soát đối tượng học sinh khuyết tật để thực hiện kịp thời thực hiện các chế độ hỗ trợ; phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn quan tâm giúp đỡ học sinh trong học tập và sinh hoạt; tạo điều kiện thuận lợi để các em tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

1. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP đối với học sinh khuyết tật

- Kết quả thực hiện chính sách miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP đối với học sinh khuyết tật
 - + Miễn học phí: số đối tượng: 34; tổng kinh phí: 25.470.000đ
 - + Hỗ trợ chi phí học tập: số đối tượng: 40 tổng kinh phí: 54.000.000đ
- Trong quá trình thực hiện có những thuận lợi và khó khăn vướng mắc như:

Thuận lợi:

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách được ban hành đầy đủ, tạo thuận lợi cho nhà trường trong quá trình triển khai.
- Chính sách hỗ trợ góp phần giảm bớt khó khăn cho gia đình học sinh khuyết tật, động viên các em đến trường đều đặn.

Khó khăn, vướng mắc:

- Kinh phí hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu thực tế học tập, chăm sóc của học sinh khuyết tật.

2. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC

- Kết quả thực hiện chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC đối với học sinh khuyết tật
 - + Học bổng: số đối tượng: 09; tổng kinh phí: 132.912.000đ
 - + Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập: số đối tượng: 0; tổng kinh phí: 0

Thuận lợi:

- Chính sách học bổng góp phần động viên tinh thần, khuyến khích học sinh khuyết tật nỗ lực vươn lên trong học tập.

- Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch các chế độ hỗ trợ, tạo được sự đồng thuận của phụ huynh.

Khó khăn, vướng mắc:

- Số lượng học sinh được hưởng học bổng còn ít.
- Một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng chưa đủ điều kiện theo quy định để được hưởng chế độ.
- Chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập chuyên biệt cho học sinh khuyết tật tại nhà trường.

3. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở, hỗ trợ gạo theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP đối với học sinh khuyết tật thuộc đối tượng hưởng chính sách

UBND xã đã triển khai thực hiện các chế độ hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật theo đúng quy định hiện hành.

- Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở, hỗ trợ gạo theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP đối với học sinh khuyết tật thuộc đối tượng hưởng chính sách.

- + Hỗ trợ tiền ăn: số đối tượng: 0; tổng kinh phí: 0
- + Hỗ trợ tiền nhà ở: số đối tượng: 0; tổng kinh phí: 0
- + Hỗ trợ gạo: số đối tượng: 0; số lượng gạo: 0 kg

III. CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các cấp tiếp tục quan tâm, bổ sung kinh phí hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và sinh hoạt của các em.

2. Đề nghị bổ sung thêm trang thiết bị, đồ dùng học tập phù hợp với học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các trường phổ thông.

3. Đề nghị tăng mức hỗ trợ chi phí học tập và mở rộng đối tượng được hưởng các chế độ hỗ trợ nhằm giúp học sinh khuyết tật có thêm điều kiện học tập.

4. Đề nghị tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên môn về giáo dục hòa nhập cho giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chế độ chính sách cho học sinh khuyết tật của UBND xã Lam Vỹ.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ma Văn Quyết